

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/DS-ST**

Ngày: 02-7-2020.

“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự góp hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuronne;
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Trong các ngày 25 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 85/5, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1954.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: số 230/1, ấp M, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có tổ chức góp hụi, vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T là hụi viên có tham gia hai dây hụi như sau:

+ Dây 1: Hụi 03 tháng khui một lần, mở vào ngày 20/3/2015 âm lịch, có 22 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng. Ông H1 và bà T tham gia 01 phần, đã trúng thăm hốt hụi vào kỳ thứ 01 với số tiền là 40.000.000 đồng, sau khi hốt hụi, vợ chồng ông H1 và bà T không đóng hụi chết cho bà nên bà khởi kiện đến Tòa án, sau đó Tòa án có ban hành Bản án số 59/2019/DS-ST, ngày 03/10/2019, Bản án đã tuyên buộc ông H1, bà T có trách nhiệm trả lại bà 15 lần hụi chết là 45.000.000 đồng, còn lại 06 lần hụi chết là 18.000.000 đồng (chưa đến hạn). Đến nay dây hụi đã mãn nhưng ông H1, bà T không đóng 06 lần hụi chết này là 18.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi tháng 3.000.000 đồng, 02 tháng khui một lần, mở ngày 30/3/2016 âm, có 20 phần, ông H1, bà T tham gia 01 phần, dây hụi này ông H1, bà T hốt đầu được 45.600.000 đồng, sau đó ông H1, bà T không đóng hụi chết cho bà nên bà khởi kiện đến Tòa án, sau đó Tòa án có ban hành Bản án số 59/2019/DS-ST, ngày 03/10/2019, Bản án đã tuyên buộc ông H1, bà T có trách nhiệm trả lại bà 17 lần hụi chết là 51.000.000 đồng, còn lại 02 lần hụi chết là 6.000.000 đồng (chưa đến hạn). Đến nay dây hụi đã mãn nhưng ông H1, bà T không đóng 02 lần hụi chết này là 6.000.000 đồng.

Cộng chung tiền nợ hụi ông H1 và bà T nợ bà H tính đến thời điểm khởi kiện là 24.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất.

Theo tờ tường trình nộp ngày 14/5/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

+ Dây 1: Hụi 03 tháng khui một lần, mở vào ngày 20/3/2015 âm lịch, có 22 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà Thược tham gia 01 phần, đã trúng thăm hốt hụi vào kỳ thứ 01, sau khi hốt hụi đến khi hụi mãn bà đã đóng đủ cho bà H không còn nợ bà H.

+ Dây 2: Bà T thừa nhận còn nợ bà H 6.000.000 đồng là đúng bà đồng ý trả cho bà H nhưng không đưa ra thời gian trả cụ thể.

Theo tờ tường trình nộp ngày 14/5/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hụi do bà H làm đầu thảo ông không hay biết. Bà H khởi kiện yêu cầu ông cùng bà T trả số tiền trên ông không đồng ý. Ông cho rằng ông không phải là bị đơn trong vụ án này.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Tại phiên tòa nguyên đơn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất.

[1.2] Bị đơn bà T cho rằng:

- Đối với dây 1: Hụi 03 tháng khui một lần, mở vào ngày 20/3/2015 âm lịch, có 22 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, đã trúng thăm hốt hụi vào kỳ thứ 01, sau khi hốt hụi đến khi hụi mãn bà đã đóng đủ cho bà H không còn nợ bà H nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh.

- Đối với dây 2: Bà T thừa nhận còn nợ bà H 6.000.000 đồng là đúng bà đồng ý trả cho bà H nhưng không đưa ra thời gian trả cụ thể.

[1.3] Bị đơn ông H1 cho rằng: bà T có tham gia chơi hụi do bà H làm đầu thảo ông không hay biết. Bà H khởi kiện yêu cầu ông cùng bà T trả số tiền trên ông không đồng ý. Ông cho rằng ông không phải là bị đơn là không có căn cứ, vì tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS - ST, ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã có hiệu lực thi hành và Bản án dân sự phúc thẩm số 07/2020/DS - PT, ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về hai dây hụi trên và phần khởi kiện này của bà H là phần còn của hai dây hụi trên. Căn cứ vào hai bản án trên đã xác định tư cách đương sự và nghĩa vụ liên quan đến hai dây hụi trên nên bà H khởi kiện ông là có căn cứ.

[2] Từ những phân tích ở Mục [1] căn cứ vào điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh mà nghĩa vụ chứng minh thuộc về các bị đơn nhưng các bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử công nhận tình tiết trên là sự thật và xác định đây là hợp đồng dân sự góp hụi theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đây là hụi đầu thảo và có lãi ông H1, bà T đã vi phạm hợp đồng. Vi phạm nghĩa vụ của hụi viên nên cần buộc ông H1, bà T phải liên đới có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà H theo quy định tại Điều 17, 19, 20, 29 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; khoản 1 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Điều 24, Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó nguyên

đơn yêu cầu buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bà H không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các bị đơn đã được giải thích và hướng dẫn rõ nội dung quy định tại Điều 12 và 14 của Nghị quyết này nhưng do các bị đơn không đồng ý trả nợ nên không có đơn đề nghị miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24, Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, họ, hiệu, họ, họ;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền nợ họ. Bà H không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T cùng liên đới trả số tiền lãi suất cho bà Nguyễn Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002788 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách khi án có hiệu lực.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH

